| | |
|---|---|
| TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM<br>**CTY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **106** /QĐ-XMHM-HĐQT | *Nghệ An, ngày* **08** *tháng* **12** *năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai**

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
## CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ Tờ trình số 6258/XMHM-TCKT ngày 05/12/2025 của Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-XMHM-HĐQT ngày 08/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai".

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 98/QĐ-XMHM-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

**Lê Trung Kiên**

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
**CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-XMHM-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai)*

## MỤC LỤC


**Chương I QUY ĐỊNH CHUNG** ..... 2
**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng** ..... 2
**Điều 2. Giải thích từ ngữ** ..... 2
**Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin** ..... 3
**Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin** ..... 4
**Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin** ..... 4
**Điều 6. Phương tiện công bố thông tin** ..... 5
**Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin** ..... 6
**Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY** ..... 7
**Điều 8. Công bố thông tin định kỳ** ..... 7
**Điều 9. Công bố thông tin bất thường 24 giờ** ..... 9
**Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu** ..... 12
**Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty** ..... 12
**Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ, CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁCTHUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN** ..... 13
**Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; nhóm nhàđầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.** ..... 13
**Điều 13. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ** ..... 14
**Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thờigian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty** ..... 16
**Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai** ..... 17
**Chương IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN** ..... 17
**Điều 16. Quy trình công bố thông tin** ..... 17
**Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** ..... 19
**Điều 17. Xử lý vi phạm** ..... 19
**Điều 18. Hiệu lực thi hành** ..... 19
**Điều 19. Tổ chức thực hiện** ..... 19
**Điều 20. Điều khoản thi hành** ..... 20

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai với các đối tượng là người nội bộ của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định pháp luật hiện hành và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, Sở giao dịch chứng khoán (nếu có).

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

2. SGDCK là Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai có cổ phiếu niêm yết;

3. Công ty là Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

4. HĐQT là Hội đồng quản trị;

5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a) Người nội bộ của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số

cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

f) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người có liên quan, cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và các đối tượng khác theo quy định pháp luật chứng khoán được hiểu theo Luật chuyên ngành và không được giải thích lại trong Quy chế này.

7. Ngày Công ty nhận văn bản của cơ quan quản lý nhà nước là ngày văn bản được tiếp nhận theo hình thức đến trước, bao gồm tiếp nhận qua hệ thống công bố thông tin điện tử do cơ quan quản lý vận hành, thư điện tử chính thức hoặc văn bản giấy qua văn thư.

8. Các thuật ngữ khác không được giải thích tại Điều này được hiểu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

**Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin**

1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Trường hợp Công ty không còn là công ty đại chúng hoặc pháp luật có quy định khác về ngôn ngữ công bố thông tin, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm đó.

**Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban

hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Người thực hiện công bố thông tin

a) Đại diện cho Công ty trong công tác công bố thông tin;

b) Yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

c) Từ chối công bố thông tin trong trường hợp thông tin chưa được kiểm chứng, chưa được phê duyệt theo thẩm quyền hoặc không đủ điều kiện công bố theo quy định pháp luật;

d) Bảo mật thông tin chưa được công bố theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;

e) Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc (trong trường hợp người được ủy quyền) về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin;

f) Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về các thông tin công bố.

3. Các đối tượng bên ngoài Công ty (bao gồm cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhà đầu tư nước ngoài và các đối tượng khác thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 6. Phương tiện công bố thông tin**

1. Các phương tiện Công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,…).

2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a) Công ty phải báo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới

các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK theo từng thời kỳ.

5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

6. Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., Công ty có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho SGDCK biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để SGDCK hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

**Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

## Chương II
## CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

**Điều 8. Công bố thông tin định kỳ**

1. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Công ty công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1,2 và 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

6. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Bên cạnh việc lập báo cáo tình hình quản trị Công ty, Công ty thực hiện gửi các biểu mẫu dữ liệu khác theo yêu cầu của SGDCK nơi niêm yết, phù hợp quy chế công bố thông tin của Sở tại từng thời kỳ.

**Điều 9. Công bố thông tin bất thường 24 giờ**

1. Các thông tin bất thường dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

i) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;

m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

o) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán nước ngoài.

s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế này.

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ

đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo điểm a khoản 6 Điều 8 Quy chế này.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 8 Quy chế này.

6. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

**Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

**Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty**

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

## Chương III
## CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ, CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁCTHUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. Mẫu báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên. Mẫu báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII của

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

*Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty từ 5,2% lên 5,7%, Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCK về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

**Điều 13. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty khi thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC.

Trường hợp công ty chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư số

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

96/2020/TT-BTC thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty, hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK, Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, công ty chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo UBCKNN, SGDCK và thông báo cho Công ty khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

a) Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC;

b) Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thờigian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty

1. Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch, cổ đông sáng

lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Công ty về việc thực hiện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Công ty về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

**Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

## Chương IV
## QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Điều 16. Quy trình công bố thông tin**

1. Bước 1: Chuẩn bị thông tin

a) Vào thời điểm kết thúc quý, kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, các đơn vị, cá nhân nơi phát sinh sự kiện có trách nhiệm chủ động cung cấp ngay thông tin, tài liệu cho bộ phận đầu mối; đồng thời bộ phận đầu mối quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy chế này thực hiện hướng dẫn, đôn đốc và thông báo về nội dung, thời hạn công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

b) Các đơn vị, cá nhân có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến bộ phận đầu mối để kịp thời công bố thông tin theo quy định pháp luật, đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác và kịp thời của thông tin, tài liệu cung cấp. Việc xác định thời hạn này được tính theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc công bố theo yêu cầu.

c) Báo cáo do các đơn vị, cá nhân có liên quan được lập thành văn bản đúng

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

mẫu (nếu có) có ký xác nhận nội dung của cá nhân thực hiện và đại diện lãnh đạo đơn vị. Đơn vị, cá nhân có liên quan phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin chuyển cho bộ phận đầu mối.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

a) Khi nhận được thông tin do các đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp, bộ phận đầu mối phải:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;

- Chỉnh sửa, soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định.

b) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của Công ty.

- File điện tử bản tiếng Việt, tiếng Anh thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ HOM_VI_Giai Trinh Lien Quan Den BCTC Q3 2025; HOM_EN_Explanations Relating To FS Q3 2025, và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

3. Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thẩm định, chỉnh sửa, soạn thảo văn bản công bố thông tin, bộ phận đầu mối trình người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt: Nội dung thông tin công bố, số văn bản, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4: Công bố thông tin

a) Người công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về công bố thông tin và theo Quy chế này.

b) Phòng Công nghệ thông tin được giao nhiệm vụ của Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông".

5. Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi

Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và tham mưu cho Tổng giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

6. Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY

a) Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

b) Các đơn vị có liên quan khi cung cấp thông tin cho bộ phận đầu mối phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

c) Người công bố thông tin, bộ phận đầu mối chuẩn bị thông tin công bố khi tiếp nhận các báo cáo từ các đơn vị, cá nhân liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu giữ tại Công ty để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết theo nguyên tắc sau:

- Việc lưu giữ các thông tin được công bố tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin công bố. Việc huỷ thông tin công bố theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này. Việc huỷ thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc huỷ thông tin (gốc).

- Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xoá khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

- Thông tin công bố phải được lập hồ sơ và lưu giữ theo quy định.

- Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng mỗi khi cần đến.

## Chương V
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 17. Xử lý vi phạm**

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật về công bố thông tin, gây thiệt hại cho Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty, hoặc bị đề nghị xử lý theo pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 18. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này gồm có 05 Chương, 20 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

**Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ phận đầu mối chuẩn bị nội dung công bố thông tin của Công ty gồm:

a) Thư ký Công ty: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin công bố liên quan đến các thành viên HĐQT, công tác quản trị Công ty và các nội dung khác

theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Phòng Tài chính Kế toán: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin công bố liên quan đến báo cáo tài chính, báo cáo thường niên,… và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

c) Phòng Tài chính Kế toán và Thư ký Công ty là đầu mối tiếp nhận thông tin phản hồi của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công ty công bố, hoặc theo phân công của Tổng giám đốc.

d) Việc phân công chi tiết đầu mối chuẩn bị nội dung công bố thông tin có thể được điều chỉnh theo Quy định/Quy trình/Quyết định do Tổng giám đốc ban hành từng thời kỳ mà không phải sửa đổi Quy chế này.

2. Trách nhiệm, quan hệ giữa các đơn vị trong việc cung cấp thông tin

a) Người công bố thông tin, bộ phận đầu mối trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các đơn vị có liên quan thuộc Công ty cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

b) Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận đầu mối.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, Thủ trưởng các đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin ngay khi xảy ra sự kiện để kịp thời công bố theo quy định.

c) Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc kết quả thực hiện.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các đơn vị, cá nhân thuộc Công ty và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin phải thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Quy chế này.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Công ty có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt cho cán bộ, nhân viên trong đơn vị biết những nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình được quy định tại Quy chế này và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

3. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống công bố thông tin của SGDCK thì quy trình thực hiện công bố thông tin phải thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.

4. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật về công bố thông tin mới ban hành khác với nội dung tại Quy chế này thì các quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng tại Công ty.

5. Trường hợp có các quy định khác của pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại quy chế này hoặc các quy định được nêu trong quy chế này chưa được kịp thời sửa đổi bổ sung do quy định của pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi thì sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị kịp thời báo cáo về Công ty (qua Phòng Tài chính Kế toán) để tổng hợp, báo cáo Tổng giám đốc để trình HĐQT xem xét, quyết định./.

ADD SCAN TO ANY WEBSITE asprise.com/Scanner.js FOR EVALUATION USE ONLY